

Nghĩ Về Chữ “Kiều”.

Trang Y Hạ

Hoa Kiều:

Ngày xưa vùng “Gia Định - Chợ Lớn - Sài Gòn” vốn gần như là “thuộc địa” hay “tô giới” của người Tàu. Người Tàu du nhập vô Việt Nam bằng nhiều hướng: Từ sông Dương Tử, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Phúc Kiến, Hồng Kong, Đài Loan - bằng nhiều lý do từ: chính trị, thiên tai, kinh tế và lý do duy nhất (sau này) là trốn tránh sự đàn áp. Đàn áp do sự thay đổi triều đại từ khi triều đình Mãn Thanh thống nhất Trung Hoa. Một số nhân sĩ tinh hoa người Hán quyết tâm khởi nghĩa “Phản Thanh Phục Minh”, nhưng thất bại phải chạy qua Việt Nam tỵ nạn.

Từ khi chiếm Đông Dương, với chính sách “chia để trị”, Pháp đã chấp nhận hiện trạng và tiếp tục công nhận và dung túng (một số đặc quyền) cho người Tàu sinh hoạt buôn bán tự do theo cách riêng của người Tàu. Nhưng có thể khẳng định ý đồ của Pháp là dựa vào thực lực và đầu óc kinh doanh mại bản “thiên bẩm” của người Tàu để khống chế giới điền chủ, giới tư sản Việt vốn ít ỏi để thao túng buộc người Việt phải theo ý người Pháp.

Người Tàu Chợ Lớn cần cù làm ăn, nên có câu:

*“Quảng Đông ăn cá bỏ đầu,
Phúc Kiến lượn lấy đem về kho tiêu”.*

Từ chỗ nghèo đói trở thành có thể, có tiền, có quyền khắp cả một vùng và rồi lại tỏ ra khinh thường người Việt. Họ (người Tàu), chiếm hữu tất cả ngành nghề của người Việt, mà ngành nghề đó người Việt vốn đã tồn tại từ lâu đời: Thợ rèn, thợ hồ, thợ mộc, thợ may, thợ tiện, thợ máy, thợ nhuộm, thợ đúc đồ đồng... Người Việt lúc bấy giờ chỉ còn làm những công việc nặng nhọc, như làm công nhân khuân vác, bốc vác nơi các bến cảng, bến tàu (sông, biển), làm công nhân hăng xưởng, kéo xe... Tất cả đều chịu sự điều khiển sai khiến của các xì thầu, cai thầu người Tàu. Hơn nữa người Tàu làm ăn theo phương thức (phường, hội), Ngũ Bang (Tiều (Tiều Châu), Hải Nam, Quảng Đông, Hẹ, Phúc Kiến) nhằm để giúp đỡ lẫn nhau, họ thường chúc nhau “Thượng Lộ Bình An”, cho nên người Việt một phần thiếu “gắn kết”, và lại còn thiếu vốn liếng không thể tranh đua với họ được.

Sau khi Pháp rút ra khỏi Đông Dương, các Bang Hội người Tàu và các Trường Học của người Tàu từ từ bị giải tán hết. Năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm chấp chánh đã hiểu rõ người Tàu nắm tất cả huyết mạch kinh tế, thương mại của miền Nam kể cả xuất nhập cảng lúa gạo... Người Tàu từ bao đời nay là Tàu Kiều, nói chính xác là **“HOA KIỀU”** Chợ Lớn. Hoa Kiều là những người Tàu cư ngụ trên đất nước Việt Nam nhưng không là Công Dân Việt Nam. Do đó, chính phủ Ngô Đình Diệm đã vào cuối năm 1955 đưa ra “Bộ Luật Quốc Tịch Việt Nam”. Trong điều thứ mười hai (12) ghi rõ:

“Nếu là con chính thức, có mẹ là người Việt Nam mà cha là người Tàu (Trung Hoa), sinh đẻ ở tại Việt Nam thì đưa trẻ đó là người Việt Nam”.

Và, vài tháng sau, thì “Bộ luật Quốc Tịch” lại quy định thêm:

“Hoa Kiều sinh tại Việt Nam muốn là người Việt Nam bắt buộc phải khai nhận Quốc Tịch Việt Nam và làm Căn Cước, nếu không tuân thủ theo luật định thì có thể xin hồi hương về lại Trung Hoa trước ngày 31/8/1957”.

Bộ Luật Quốc Tịch Việt Nam ra đời, được xem như một cuộc cách mạng làm thay đổi vấn đề “HOA KIỀU” đã sống tầm gửi từ lâu trên đất Việt mà không chịu sự quản lý về di trú tư pháp. Đó là các Dự số 52 được ban hành ngày 29-8-1956, dự số 53 ngày 6-9-1956. Cả hai sẽ chính thức áp dụng ngày 25-10-1956.

- Dự số 52 quy định rằng người “Hoa Kiều” định cư tại miền Nam (Gia Định – Sài Gòn) bắt buộc phải nhập Quốc Tịch Việt Nam. Khi nhập quốc tịch, thì sẽ được bảo đảm tự do giao dịch, buôn bán, đi lại. Người Tàu phải dùng chữ Việt đặt tên họ như: (Quách, Mạch, Lâm, Trịnh, Tô, Trần, Giang, Diệp, Lưu, Vương, Hà, Hứa, Mã, Lý, Trương, Ngô, Hồ...), và cũng không được dùng tên ngoại quốc hay tên gọi riêng như: A, Chú, Chế..., kể cả bí danh trong các văn kiện hành chánh, khai sanh, hôn thú... Tên trên bằng hiệu thương mại, tiệm چاپ pho kể cả văn chương thi phú cũng phải viết bằng Chữ Việt.

- Dự số 53 cấm người ngoại quốc không được kinh doanh mười một (11) ngành nghề gồm: 1- Buôn bán cá thịt, 2- Chạp phô, 3- Than củi, 4- Nhiên liệu xăng dầu, 5- Tơ sợi, 6- Trung gian mua bán, 7- Kim loại, 8- Lương thực xuất nhập, 9- Chuyên chở thủy bộ, 10- Xay gạo, 11- Dịch vụ.

Đạo dụ chỉ áp dụng cho thành phần chủ nhân, thương nhân, thương lái người Tàu và các ngành nghề thuộc về kỹ nghệ và hành nghề tự do. Người Tàu lai Việt, có vợ người Việt thì không bị quy chế chế tài, vẫn được phép kinh doanh dưới tên người thân, nhưng người thân (vợ, chồng) phải là người Việt Nam có quốc tịch Việt Nam, hộ tịch khai sanh chính thức bằng bản văn tư pháp của chánh quyền Việt Nam.

Chính phủ Ngô Đình Diệm ban hành qui chế quốc tịch để cho người Tàu “Hoa Kiều” được sống hợp pháp trên đất Việt Nam. Một khi đã là công dân Việt Nam thì họ sẽ được hưởng quy chế ưu đãi không khác gì người Việt một cách công bằng và có nghĩa vụ nhập ngũ đi lính; có nghĩa vụ đóng thuế góp phần cho đất nước cũng như chấp hành các nghĩa vụ công dân khác. Tuy nhiên, không phải mọi chuyên đều suôn sẻ.

Ngay từ đầu khi các dụ luật ra đời thì người Tàu Chợ Lớn phản ứng kịch liệt nhất là một số thương lái, thương nhân Tàu giàu có, gọi là “đầu nậu” của một số ngành kinh doanh cỡ lớn không chịu tuân thủ luật nhập quốc tịch Việt Nam. Họ đã tìm đủ mọi cách chống trả, họ lại liên hiệp với các “tài phiệt” trên thế giới như Hong Kong, Trung Hoa, Đài Loan... để làm áp lực với chính phủ Ngô Đình Diệm. Sau một thời gian họ thấy không thể thắng một số ít chọn cách rút lui về cố hương, còn gọi là hồi hương.

Chính phủ ông Ngô Đình Diệm không hề có chủ trương bài xích người Tàu hay có thành kiến đối xử không tốt đối với người Tàu. Chuyện yêu cầu người “Hoa Kiều” sống lâu đời phải vô quốc tịch Việt Nam là điều kiện hợp tình, hợp lý, hợp pháp, hợp hiến ở trong một quốc gia tự do dân chủ nhằm nêu rõ Chủ Quyền Quốc Gia để ổn định xã hội. Không chỉ chính quyền Việt Nam Cộng Hòa mà các quốc gia khác trên thế giới cũng đã có luật tương tự nhằm bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo đảm trật tự xã hội, bảo đảm an ninh kinh tế tài chánh.

Công bằng mà nói thì đã có một số người “Hoa Kiều” có công trạng nhất định, đóng góp cho vùng đất (Gia Định – Sai Gon) về văn chương thi phú cũng như theo phò triều đình Nhà Nguyễn khai hoang mở cõi một số địa danh Nam Kỳ, như các vị: Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích, Dương Ngạn Địch, Trịnh Hoài Đức, Trần Thượng Xuyên, Phan Thanh Giản(?)...

Trong thời gian theo phò Nhà Nguyễn, người Tàu cũng bị tổn thất nhân mạng khá nhiều. Đó là vào năm 1782, quân Tây Sơn vây đánh quân Nhà Nguyễn tại vùng Vườn Trầu - Mười Tám Thôn Vườn Trầu (Gia Định). Tiền quân Tây Sơn bị phục kích. Hộ giá Phạm Ngạn là một sủng thần của Thái Đức Hoàng Đế Tây Sơn Nguyễn Nhạc bị Chiến tướng Trần Công Chương, quân của Hòa Nghĩa mà nghĩa quân Hòa Nghĩa phản đồng là người Hoa (Tàu), giết chết. Vua Thái Đức hay tin dữ rất tức giận, bèn ra lệnh thăm sát, truy sát người Hoa tại Gia Định thành để trả thù.

Việt Kiều:

Ngày ba mươi tháng tư năm một chín bảy mươi lăm (30.4.1975), Cộng quân xâm chiếm miền Nam (Việt Nam Cộng Hòa). Từ đó, họ gấp rút “Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa” bằng các giai đoạn: Đưa dân đi kinh tế mới nơi rừng sâu nước độc, mà người dân miền Nam gọi là “đem con bỏ chợ”. Đổi tiền ba lần gần như xóa sạch giá trị đồng tiền miền Nam.

Thời Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa (1955). 35 \$ Miền Nam = \$1 Mỹ kim

- Năm 1960 – 1970 khoảng 300 \$ VNCH = \$1 Mỹ kim

- Năm 1970 -1975, khoảng 500 – 700 \$ VNCH = \$1 Mỹ kim. Trên mặt các đồng tiền của Việt Nam Cộng Hòa chỉ in hình các bậc tiền nhân chống giặc Tàu, cảnh trí quê hương và hình ảnh cơ giới kỹ nghệ.

- Sau 1975, qua ba lần đổi tiền. (Lần thứ nhất: ngày 22-9-1975 - Lần thứ nhì: ngày 02-5-1978 - Lần ba: ngày 14-9-1985). Đã quy ra: 500 \$ VNCH = Một [1] đồng Miền Bắc. Tức là, chỉ cần một [1] đồng rưỡi tiền Miền Bắc lúc đó đã đổi được một [1] \$ Mỹ kim. Chuyện này, thì (chỉ duy nhất, là [\$] đồng Bảng Anh, mới làm được điều đó). Vậy, thử hỏi rằng: Từ chỗ 1,5 \$ đồng tiền Miền Bắc ăn một [1] Mỹ kim thời năm (1975)... Vậy có gì sau năm mươi [50] năm đồng tiền của Việt Nam tụt xuống tới 27.000 \$ mới đổi được một \$ [1] Mỹ kim? Đồng tiền Việt mất giá tới – hơn mười sáu ngàn lần, gần áp chót theo bảng xếp hạng của thế giới.

Từ đó, người dân miền Nam mất tiền hưu kể cả tiền để dành. Đánh tư sản mại bản công thương nghiệp các đợt, hãng xưởng, hãng buôn mất sạch. Đồn người nông dân vô các Tập đoàn sản xuất, Hợp tác xã nông nghiệp. Thật ra, các hình thức đó chẳng qua là vơ vét tài sản, tiền của, đất ruộng nhà cửa của người dân miền Nam hầu xóa bỏ “Tàn dư tiểu tư sản”. Quân đội, công chức miền Nam “đầu hàng” thì bị tập trung cho vô các trại “cải tạo” tù đầy nhiều năm, phải đi lao động để nuôi thân, thiếu ăn, bệnh tật phải bỏ xác nơi chốn rừng thiêng nước độc.

Xã hội chủ nghĩa sung sướng chưa thấy đâu, nhưng trước mắt đã thấy đói khổ triền miên trong nhiều năm, phải ăn củ mì, củ sắn, bo bo... Di chuyển bị “ngăn sông cấm chợ” lại không có xăng dầu, xe cộ phải dùng nhiên liệu bằng than củi. Năm 1994 chính phủ Mỹ bỏ “Cấm Vận” sau hai mươi năm bị cô lập. Từ đó, Hoa Kỳ cho Việt Nam gia nhập “WTO” (World Trade Organization). Tạm hiểu là kinh tế thị trường tự do tư bản, thì kinh tế Việt Nam mới khởi sắc và giàu lên nhanh chóng như hiện nay.

Người xưa nói “Cọc beo không đáng sợ, cái đáng sợ là quan lại độc ác tham ô”. Bị cướp đoạt hết nhà cửa đất ruộng tài sản, người dân miền Nam, (kể cả những kẻ ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản) xúm nhau nhào ra biển để đi tìm tự do ở các quốc gia tư bản, bất kể sóng to gió lớn; bất kể hải tặc Thái Lan... Năm 1979, chiến tranh sáu tỉnh biên giới phía Bắc, do “Trung Cộng Anh Em” dạy cho cộng sản Việt Nam một bài học thì người dân miền Bắc cũng ồ ạt tháo chạy qua Hong Kong xin tỵ nạn. Từ đó, hai chữ “Việt Kiều” ra đời.

Thử tìm hiểu chữ Kiều, theo (Hán Tự- Hán Việt). Chữ Kiều có nghĩa như sau:

- Kiều (Bộ Nữ) là Giai nhân đẹp, người phụ nữ đẹp.
- Chữ Kiều (bộ mộc) là: Cây cầu, dùng chung cho các cây cầu.
- Chữ Kiều (Bộ cư, Bộ nhân) là Người ăn nhờ, ở đậu, ở nhờ vùng khác, làng khác hay nước khác gọi họ là kiều cư, kiều dân.
- Theo (Bộ khẩu). Kiều là cây cao.

Trong Hán Tự, không có chữ “Kiều Bào”. Chữ Bào (Pào). Hán Tự có hai nghĩa:

- Một, là Cái áo khoác bên ngoài như Chiến bào.
*“Áo bào thay chiếu anh về đất,
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”,*
Thơ Quang Dũng.
- Hai, là Cái bị, cái bì, cái bao, cái bào thai...

Chẳng có chữ nào gọi là “Kiều Bào” ở trong “Tự-Điển Hán Việt”.

Ngoài ra, “Kiều” cũng không phải Kiều của Nguyễn Du.

*“Kiều còn sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn”.
(Kiều Truyện).*

Chữ Kiều trong “Việt Kiều” là chữ Kiều 僑 theo Hán Tự là viết như vậy đó. Chữ “kiều” còn có nhiều nữa, tùy theo ý nghĩa của mỗi bộ tự chữ Hán và cách xử dụng trong mỗi câu văn, câu thơ và hoàn cảnh tương ứng...

Chữ Kiều, nếu là Động Từ, thì Kiều là chỗ ăn nhờ ở đậu. Ví dụ: “Kiều Cư”. Nếu là Danh Từ, thì Kiều chỉ là người sống nhờ. Ví dụ: “Hoa kiều” là người có quốc tịch Tàu, sống ở nước ngoài. Còn nếu là “Trợ Từ”, thì có nghĩa là tạm thời. Ví dụ: “Kiều Trú” là mượn tên một đất vùng này đặt tạm cho một vùng đất khác. Chữ “Kiều” là (bọt nước), nghĩa bóng là mộng mơ... *“Mộng huyền bào ảnh như thị hồ”*.

Chữ “Kiều”, cho dù đứng ở vị trí nào, tình huống nào thì chữ “Kiều” phần nhiều cũng hàm ý - là tạm bợ, là tạm thời; là trôi nổi; là lênh đênh chứ chẳng “cắm dùi” ổn định lâu dài một chỗ nào.

Từ lâu nay người ta vẫn dùng hai chữ “Việt Kiều” để gọi chung những người Việt Nam sống ngoài đất nước, cách gọi này rõ ràng là quá hàm hồ, không thể gọi theo kiểu cá mè một lứa như vậy được. “Việt kiều”, hiểu cho đúng nghĩa thì đó là những người đang còn mang Quốc Tịch Việt Nam nhưng sống ở nước khác. Ví dụ: Người làm trong bộ ngoại giao; Người đi làm thuê, làm mướn, ở các nước khác – vc gọi là “xuất khẩu lao động”; Du học sinh tới các nước khác học tập nghiên cứu...

Người Việt vượt biên tìm tự do, Người Việt tỵ nạn cộng sản hoặc bất cứ hình thức nào mà đã đã được các quốc gia tư bản cho tỵ nạn lâu dài, đã thi đậu quốc tịch nơi đang định cư, sau khi tuyên thệ trở thành “công dân” của họ thì hoàn toàn không còn là Việt Kiều” nữa mà là người Mỹ gốc Việt, người Pháp gốc Việt, người Anh gốc Việt...! Nhưng khi tới đời con, đời cháu sinh ra sau này (nơi cha mẹ đang sống) thì không còn là gốc Việt. Tuy nhiên, (trên danh nghĩa ngôn ngữ, xã hội - thông thường chỉ gọi chung là thuộc các nhóm: Asian; nhóm La Tinh; nhóm Africa...).

Cộng sản Việt Nam lâu nay gọi xô bồ người Việt định cư, người Việt tỵ nạn ở nước ngoài là “Việt kiều yêu nước, Khúc ruột ngàn dặm”, nhằm mục đích (gom góp) nguồn tiền “Dollar” của họ hay còn gọi là “kiều hối”. Hoặc ngày Tết Nguyên Đán, thì nói: “Năm nay Kiều Bào về quê ăn tết rất đông...!”. Khúc ruột nào mà dài tới cả ngàn dặm vậy?

Đáng trách, đáng buồn: một câu nói sai ý, sai nghĩa nhưng nói hoài, nói nhiều lần mà không ai chỉnh sửa, cứ để lâu ngày ắt sẽ trở thành đúng, trở thành chân lý. Chữ Việt hiện nay cũng vậy. Ví dụ: Đánh người tới học máu, thì nói “Tác động vật lý”. Tiệm tạp hóa, thì nói “Cửa hàng vật lý”. Chữ nghĩa, nét chữ, thì nói “Con chữ”. Chữ mà có con được sao? Học sinh, học trò, thì nói “Con học sinh”. Học sinh (đang học) mà có con được sao? Viết từng câu thơ, câu văn, câu vè, câu đối, câu ca, câu cải lương, thì gom chung là “Câu chữ”...!

Bởi vậy, lâu nay người Việt định cư ở các quốc gia khác nhưng do quen miệng cũng tự nhận, là “Việt Kiều”. Đáng tiếc một số ít các ông bà: Văn sĩ, Thi sĩ, Ký giả... mỗi khi viết văn cũng “nhân danh” Việt Kiều! Mong rằng các vị người Việt có quốc tịch, hay là công dân ở các quốc gia tự do tư bản thì đừng có mà “hãnh diện” nhận lấy hai chữ Việt Kiều nữa!

Trang Y Hạ
San Francisco.